ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU ACBC

(DỰ THẢO)

Tháng 09 năm 2026

"Vốn Điều Lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này.
"Chứng Chỉ Quỹ"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá một (01) Chứng Chỉ Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
"Lệnh Mua"	Là lệnh Nhà Đầu Tư đặt mua Chứng Chỉ Quỹ.
"Lệnh Mua Được Chấp Nhận"	Là Lệnh Mua được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
"Lệnh Bán"	Là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu bán một phần hay toàn bộ Chứng Chỉ Quỹ thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư.
"Lệnh Bán Được Chấp Nhận"	Là Lệnh Bán được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Bán đó.
"Lệnh Chuyển Đổi"	Là lệnh Nhà Đầu Tư yêu cầu bán một phần hay tất cả Chứng Chỉ Quỹ thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư để mua Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mở khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
"Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận"	Là Lệnh Chuyển Đổi được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt bán chuyển đổi được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Chuyển Đổi đó.
"Lệnh Chuyển Nhượng"	Là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu của một số lượng xác định Chứng Chỉ Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế, thực hiện lệnh của tòa án hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận"	Là Lệnh Chuyển Nhượng được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Chứng Chỉ Quỹ đặt chuyển nhượng được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Chuyển Nhượng đó.
"Lệnh Được Chấp Nhận"	Là từng Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc các Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận nói chung.
"Giá Bán"/"Giá Phát Hành"	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một (01) Chứng Chỉ Quỹ. Giá Bán/Giá Phát Hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (đối với các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập) cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
"Giá Mua Lại"	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một (01) Chứng Chỉ Quỹ. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ.
"Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ quy định tại Điều Lệ này.
"Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Chỉ Quỹ mở khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
"Cổ Tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.

"Năm Tài Chính"	Năm Tài Chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ"/"NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
"Ngày Định Giá"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.
"Ngày Làm Việc"	Là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần, không bao gồm những ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ tết và ngày nghỉ bù theo quy định của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
"Ngày Giao Dịch"/ "Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
"Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.
"Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan"	là Ngân Hàng Giám Sát, VSDC được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
"Dịch Vụ Quản Trị Quỹ"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; b) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; c) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Pháp Luật và tại Điều Lệ Quỹ; d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và tại Điều Lệ Quỹ.
"Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: a) Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ mở; b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính; c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư; d) Tổ chức các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; đ) Cung cấp cho Nhà Đầu Tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
"Đại Lý Phân Phối"	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và/hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ.

"Điểm Nhận Lệnh"	Là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
"Đại Lý Ký Danh"	Là Đại Lý Phân Phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại sổ phụ.
"Người Có Liên Quan"	Được hiểu và giải thích theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
"Pháp Luật"/"Luật"	Là pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"VSDC"	Là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
"VND"/"đồng"/ "Đồng Việt Nam"	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam
"Việt Nam"	Là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản Pháp Luật khác có liên quan.

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU ACBC**
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:	**ACBC Bond Fund**
Tên viết tắt:	**ACBC–BOND**
Địa chỉ liên hệ:	Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(028) 3830 1099
Fax:	(028) 3830 1088
Website:	acbcapital.com.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời hạn hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
2. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư.
3. Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty và Ngân Hàng Giám Sát.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là: Năm mươi (50) tỷ đồng. Số vốn này được chia thành tối thiểu Năm (05) triệu Chứng Chỉ Quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng Chỉ Quỹ là Mười (10) nghìn đồng.
2. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Chứng Chỉ Quỹ được phép lưu hành.
4. Việc thay đổi số lượng Chứng Chỉ Quỹ huy động tối đa phải do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ ACB

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 41/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/10/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0306123351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/10/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 3830 1099 Fax: (028) 3830 1088
- Website: acbcapital.com.vn

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100112437-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 319/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17/12/2003 và Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/CN-TVLK do Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2001
- Địa chỉ trụ sở chính: Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt, trọn tầng lửng, tầng lầu 1, 2, 3, 4, 5, 7 và 8 Tòa nhà VBB, Số 05 Công Trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028 - 38297245 Fax: 028 - 38297228

Chương II.
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ ACBC-BOND là gia tăng giá trị tài sản ròng và tạo nguồn thu nhập ổn định cho Nhà đầu tư trong trung hạn thông qua danh mục đầu tư chủ yếu gồm trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định.

Quỹ hướng đến mức sinh lời trung hạn cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm của các ngân hàng thương mại nhà nước quy mô lớn trong kỳ hạn tham chiếu, đồng thời kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản ở mức phù hợp với đặc điểm của một quỹ trái phiếu chủ động.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Triết lý đầu tư của Quỹ được xây dựng trên ba nguyên tắc chủ đạo:

a) Tích lũy thu nhập từ tài sản có thu nhập cố định: Tập trung đầu tư vào trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định nhằm tạo nguồn thu nhập từ lãi và gia tăng giá trị tài sản ròng trong trung hạn.

b) Chủ động quản trị lãi suất và kỳ hạn: Điều chỉnh kỳ hạn bình quân, thời gian đáo hạn và cơ cấu danh mục trên cơ sở đánh giá chu kỳ kinh tế, chính sách tiền tệ, xu hướng lãi suất và hình dạng đường cong lợi suất nhằm tận dụng cơ hội tăng giá của trái phiếu và tối ưu hóa lợi suất đầu tư.

c) Lựa chọn tín dụng và kiểm soát rủi ro: Thẩm định độc lập từng tổ chức phát hành, tập trung vào năng lực quản trị, sức khỏe tài chính, dòng tiền trả nợ và các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ. Mức lợi suất kỳ vọng của mỗi khoản đầu tư phải tương xứng với rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản mà Quỹ chấp nhận.

2. Chiến lược phân bổ tài sản và lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

2.1. Chiến lược phân bổ tài sản

Quỹ áp dụng chiến lược phân bổ tài sản chủ động và linh hoạt, trong đó trái phiếu và các công cụ có thu

nhập cố định chiếm tỷ trọng chủ yếu trong danh mục.

Danh mục đầu tư được cấu trúc thành ba phân lớp:

a) Phân lớp thanh khoản: Bao gồm tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ, nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, mua lại chứng chỉ quỹ và tạo nguồn vốn sẵn sàng để giải ngân khi xuất hiện cơ hội đầu tư.

b) Phân lớp thu nhập cốt lõi: Bao gồm công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của tổ chức tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí đầu tư. Đây là nguồn tạo thu nhập chủ yếu thông qua lãi trái phiếu, chênh lệch giá và việc nắm giữ tài sản đến ngày đáo hạn.

c) Phân lớp gia tăng lợi nhuận: Bao gồm các trái phiếu có mức lợi suất hấp dẫn, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư và các tài sản khác được pháp luật và Điều lệ Quỹ cho phép. Việc đầu tư được thực hiện với tỷ trọng phù hợp sau khi đánh giá đầy đủ lợi suất kỳ vọng, rủi ro tín dụng, khả năng thu hồi vốn và thanh khoản.

Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm và các tài sản không phải công cụ có thu nhập cố định, Quỹ chỉ đầu tư trong phạm vi và giới hạn quy định tại Điều lệ Quỹ. Các khoản đầu tư này có tính chất bổ trợ và không làm thay đổi đặc điểm chủ yếu của Quỹ là quỹ đầu tư trái phiếu.

Chứng khoán phái sinh, nếu được sử dụng, chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho các tài sản cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và phải tuân thủ đầy đủ quy trình quản trị rủi ro, giới hạn đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

2.2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ không áp dụng giới hạn vào một nhóm ngành hay lĩnh vực kinh tế cụ thể nào, nhằm tối ưu hóa năng lực thích ứng của danh mục trước các biến động vĩ mô và tận dụng cơ hội sinh lời trong từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế. Quỹ được phép đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ nợ, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức thuộc mọi thành phần và lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, với điều kiện đối tác và công cụ đầu tư đó đáp ứng đầy đủ các quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật.

Định hướng phân bổ và tiếp cận lĩnh vực đầu tư của Quỹ được cấu trúc tổng quát theo các khối thành phần sau:

a) Khối công và Khối các Định chế Tài chính: Bao gồm các công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các công cụ thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Đây là lĩnh vực đầu tư nền tảng nhằm đảm bảo tính thanh khoản tối ưu và thiết lập mức lợi suất mục tiêu cốt lõi cho Quỹ.

b) Khối Doanh nghiệp và Tổ chức Kinh tế: Bao gồm trái phiếu và các công cụ nợ của các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các ngành nghề từ sản xuất, thương mại, dịch vụ, hạ tầng đến các lĩnh vực phụ trợ khác. Việc lựa chọn tổ chức phát hành trong khối này không bị giới hạn bởi tính chất ngành nghề, mà hoàn toàn dựa trên năng lực quản trị, sức khỏe tài chính, dòng tiền chi trả nợ gốc/lãi ổn định và các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ nợ phòng vệ kèm theo.

c) Cơ chế điều chỉnh linh hoạt theo chu kỳ vĩ mô: Tỷ trọng phân bổ vốn giữa các lĩnh vực kinh tế sẽ được Công ty Quản lý Quỹ chủ động và linh hoạt điều chỉnh trong từng thời kỳ dựa trên kết quả phân tích định lượng và định tính về xu hướng chính sách tiền tệ, chu kỳ tăng trưởng kinh tế và sức khỏe tín dụng của từng ngành. Quỹ có quyền dịch chuyển dòng vốn từ các lĩnh vực có tính chu kỳ cao sang các lĩnh vực có tính phòng vệ, hoặc ngược lại, nhằm bảo vệ giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ và mang lại hiệu suất đầu tư tối ưu nhất cho Nhà đầu tư.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm:

a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật;

c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng Chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định của Pháp Luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định của Pháp Luật;

Việc Quỹ đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:

(i) Đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

(ii) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

(iii) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

(iv) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

(v) Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm (e) nêu trên hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống.

f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ,

Việc Quỹ đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại khoản này phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:

(i). Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;

(ii). Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.

(iii). Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng, Được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.

g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền;

i) Các tài sản khác mà quy định pháp luật về quỹ mở cho phép tại thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn mức đầu tư sau:

a) Đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên

b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại tại Điểm (a), (b) Khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm (a), (b), (d), (e), (f) và (h) Khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục 4 của Điều Lệ này; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;

e) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm (e) Khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm (e) Khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm (e) Khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điểm (e) Khoản 3 Điều 9 của Điều Lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ;

g) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của chính Quỹ đó;

h) Chỉ được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công Ty Quản Lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

(i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

j) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Điểm (ba), (c), (d), (e), (h) Khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của Pháp Luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;

c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ như sau:

a) Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm (a), (b), (c), (d) Khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

c) Trong thời hạn năm (05) Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại Điểm (a), (b) Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Công Ty Quản Lý Quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn ba (03 tháng) kể từ ngày được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích để Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

5. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Pháp Luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quỹ không được đầu tư quá 20% Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa ba mươi (30) ngày.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ

Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ ưu tiên các công cụ do các tổ chức uy tín phát hành, có xếp hạng tín nhiệm cao hoặc được bảo lãnh thanh toán, bao gồm tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ.

Quỹ áp dụng phương pháp đánh giá tổng thể dựa trên các yếu tố như năng lực tài chính của tổ chức phát hành, xếp hạng tín nhiệm (nếu có), đặc điểm kỳ hạn và điều kiện lãi suất. Quỹ ưu tiên các công cụ có khả năng tạo dòng thu nhập ổn định, có tính thanh khoản phù hợp và rủi ro tín dụng ở mức chấp nhận được.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu.

Việc lựa chọn cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở kết hợp phân tích định lượng và định tính, bao gồm cả phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Phân tích cơ bản tập trung vào các chỉ tiêu tài chính, định giá và triển vọng tăng trưởng; phân tích định tính xem xét năng lực quản trị và chiến lược phát triển; phân tích kỹ thuật được sử dụng để hỗ trợ xác định thời điểm giao dịch. Việc lựa chọn cổ phiếu tuân thủ nguyên tắc thận trọng và phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu.

Quỹ lựa chọn trái phiếu dựa trên đánh giá mức độ an toàn tín dụng của tổ chức phát hành, kỳ hạn, lãi suất, điều khoản thanh toán và khả năng thanh khoản của trái phiếu. Quỹ có thể đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, phù hợp với mục tiêu quản lý rủi ro và phân bổ tài sản hợp lý.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác.

Đối với các tài sản đầu tư khác theo quy định pháp luật, Quỹ sẽ áp dụng nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời và sự phù hợp với chiến lược đầu tư. Các khoản đầu tư này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ điều kiện pháp lý và tuân thủ quy định của cơ quan quản lý.

Chương III.
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được Pháp Luật Việt Nam công nhận. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn thành lập quỹ đầu tư chứng khoán, mua chứng chỉ quỹ. Nhà Đầu Tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ với tỷ lệ vốn góp;

   b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;

   c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ;

   d) Khởi kiện Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

   e) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

   g) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ;

   h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

   i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

   j) Nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   k) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ;

   l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.

2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

   a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

   b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:

      (i) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;

      (ii) Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất bảy (07) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc:

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của Pháp Luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điểm (b) Khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện hoặc ủy quyền cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền Đại Lý Ký Danh (nếu có) lập, quản lý đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ;

b) Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;

c) Danh sách Nhà Đầu Tư: họ tên, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ

   a) Tần suất giao dịch Chứng Chỉ Quỹ là hai (02) lần trong một (01) tuần, vào Ngày Làm Việc Thứ Tư và Thứ Sáu hàng tuần (Ngày Giao Dịch). Trường hợp Ngày Giao Dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ bù, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

   b) Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng.

3. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh

   a) Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h30 Ngày Làm Việc liền trước Ngày Giao Dịch ("Ngày T-1"), trong đó ngày T là Ngày Giao Dịch. Trường hợp Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ bù, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cụ thể trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

   b) Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch và theo Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch kế tiếp trừ trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu hủy lệnh.

4. Lệnh Mua

   a) Lệnh Mua của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận hồ sơ đăng ký mua của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư phải gửi kèm xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

   b) Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ phải chuyển trực tiếp vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, không thanh toán vào tài khoản của Đại Lý Phân Phối; Trường hợp lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư, phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư.

   c) Giá trị mua tối thiểu cho các lần mua Chứng Chỉ Quỹ được quy định tại Bản Cáo Bạch. Số lượng Chứng Chỉ Quỹ phát hành cho Lệnh Mua có thể là số lẻ và được lấy đến hai (2) chữ số thập phân làm tròn xuống.

   d) Công Ty Quản Lý Quỹ mở tài khoản tiền của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận tiền thanh toán mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh.

   e) Đại Lý Ký Danh (nếu có) được thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa Lệnh Mua và Lệnh Bán; Đại Lý Ký Danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Đại Lý Ký Danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.

f) Quy trình nhận, thực hiện và các quy định cụ thể liên quan Lệnh Mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

5. Lệnh Bán

a) Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong Lệnh Bán là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đó và số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu Tư không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản, tiểu khoản.

b) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký bán tối thiểu và số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sau khi thực hiện Lệnh Bán được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

c) Lệnh Bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Điều Lệ này.

d) Việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn năm (05) Ngày Làm Việc, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều Lệ này; Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh (nếu có) đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định tại Bản Cáo Bạch hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà Đầu Tư do Nhà Đầu Tư chỉ định.

e) Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thanh toán, Đại Lý Ký Danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư.

f) Nhà Đầu Tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của Pháp Luật.

g) Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đảm bảo:

(i) Chỉ thực hiện khi Công Ty Quản Lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ và phải báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất;

(ii) Được Nhà Đầu Tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;

(iii) Chỉ thực hiện đối với Lệnh Bán có tổng giá trị thanh toán lớn hơn năm mươi (50) tỷ đồng hoặc một giá trị khác lớn hơn theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch;

(iv) Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu Tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ.

(v) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại Điều này.

h) Quy trình nhận, thực hiện và các quy định cụ thể liên quan Lệnh Bán được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

6. Lệnh Chuyển Đổi

a) Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận số lượng Chứng Chỉ Quỹ sẽ bán thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đó và sẽ được coi là Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận

b) Nhà Đầu Tư được chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ mở khi Công Ty Quản Lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng Đại lý chuyển nhượng.

c) Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

(i) Lệnh Bán đối với Chứng Chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu;

(ii) Các lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao Dịch của các quỹ tương ứng;

(iii) Nhà Đầu Tư chỉ phải thanh toán Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi theo quy định tại Bản Cáo Bạch, không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành đối với các Lệnh Chuyển Đổi quy định tại Điều này.

(iv) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu của Lệnh Bán Được Chấp Nhận trong Lệnh Chuyển Đổi và số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư thực hiện Lệnh Chuyển Đổi, quy trình nhận, thực hiện và các quy định chi tiết liên quan Lệnh Chuyển Đổi được quy định tại Bản Cáo Bạch.

7. Lệnh Chuyển Nhượng (giao dịch chuyển nhượng phi thương mại)

a) Lệnh Chuyển Nhượng (như tặng cho, thừa kế...) được thực hiện theo quy định tương ứng của Pháp Luật. Nhà Đầu Tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của Pháp Luật.

b) Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của Pháp Luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

c) Nhà Đầu Tư/người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến Lệnh Chuyển Nhượng theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch.

9. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng Chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (Systematic Investment Plan (sau đây gọi là "SIP")). SIP được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ bao gồm: (i) đáp ứng một phần lệnh của Nhà Đầu Tư, (ii) tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh Bán, Lệnh Mua, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các Lệnh Bán (kể cả Lệnh Bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua (kể cả Lệnh Mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ;

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:

(i) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc

(ii) Giá trị phần Chứng Chỉ Quỹ hoặc số Chứng Chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu hoặc số Chứng Chỉ Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch (nếu có);

(iv) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch.

c) Việc bán chứng khoán để thanh toán toàn bộ lệnh bán của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:

(i) Tính thanh khoản của thị trường thấp;

(ii) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp thực hiện một phần Lệnh Bán, Lệnh Mua, Lệnh Chuyển Đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng một tỷ lệ, phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.

a) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại từ Nhà Đầu Tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:

Xi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư được thực hiện. Kết quả có thể là số lẻ và được lấy đến 2 chữ số thập phân làm tròn xuống.

SLDKi: số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch.

SLTT: tổng số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư.

$\sum SLDKi$*: tổng số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký giao dịch.*

b) Phần còn lại của lệnh giao dịch chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện phần lệnh giao dịch bị hủy, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch kế tiếp. Quy định về số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư sẽ không áp dụng trong trường hợp các Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần.

c) Ngoài ra, tùy thuộc tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm đó, Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền quyết định thực hiện toàn bộ các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư thay vì chỉ thực hiện một phần mà không phụ thuộc vào mức giới hạn quy định tại Điểm (a) và Điểm (b.i) Khoản 1 Điều này.

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm (a) Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ vào Ngày Định Giá mua lại Chứng Chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo Quyết định của Sở Giao dịch chứng khoán;

c) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đối với các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Giá Bán, Giá Mua Lại

1. Giá Bán/Giá Phát Hành của một (01) Chứng Chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Giá Phát Hành lần đầu và Giá Bán tại các kỳ giao dịch tiếp theo là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một (01) Chứng Chỉ Quỹ, cụ thể:

   a) Giá Phát Hành lần đầu được tính bằng mệnh giá của một (01) Chứng Chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có);

   b) Giá Bán tại các kỳ giao dịch tiếp theo bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành.

2. Giá Mua Lại của một (01) Chứng Chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Giá Mua Lại một Chứng Chỉ Quỹ là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư để mua lại một (01) Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tính tại Ngày Giao Dịch, trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại.

3. Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi, Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng phi thương mại được quy định như sau:

   a) Giá Dịch Vụ Phát Hành tối đa 5% giá trị giao dịch;

   b) Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa 3% giá trị giao dịch;

   c) Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi tối đa 3% giá trị giao dịch.

   d) Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng phi thương mại đối với Chứng Chỉ Quỹ áp dụng đối với các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 Điều Lệ này được thực hiện theo quy định Pháp Luật có liên quan.

   Các mức giá dịch vụ cụ thể quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.

4. Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch Chứng Chỉ Quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi mức giá dịch vụ này nhưng phải công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Mọi thay đổi về mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt mức tối đa quy định tại Khoản 3 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 19. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ phát sinh thua lỗ ở kỳ hoạt động, toàn bộ khoản lỗ sẽ được chuyển sang kỳ kế toán tiếp theo để tính toán lợi nhuận lũy kế cho các năm sau, phù hợp với quy định của pháp luật kế toán và chứng khoán.

Trong những năm mà lợi nhuận lũy kế của Quỹ đang ở mức âm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi tức dưới bất kỳ hình thức nào cho Nhà Đầu Tư.

Chương IV.
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyết định cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;

b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;

c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

d) Phương án phân phối lợi tức;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;

g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ.

3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Pháp Luật về doanh nghiệp. Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan theo quy định của Pháp Luật, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại Hội Nhà Đầu Tư được tổ chức khi cần thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 21. Triệu tập cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại ĐIểm b Khoản 2 Điều 14 Điều Lệ này;

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Nhà Đầu Tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác hoặc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ tham gia và biểu quyết;

c) Thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều Lệ này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản thực hiện như sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại Hội Nhà Đầu Tư;

b) Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản.

c) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của Nhà Đầu Tư, đồng thời gửi thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định được đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

d) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ sở hữu và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vi) Thời hạn cuối cùng phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(vii) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo Pháp Luật của Công Ty Quản Lý Quỹ quỹ hoặc người được người đại diện theo Pháp Luật của Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền.

e) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi bằng chuyển phát, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu Tư). Phiếu lấy ý kiến gửi bằng chuyển phát phải được đựng trong phong bì dán kín. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng thư điện tử hoặc fax phải được bảo mật cho đến khi kiểm phiếu. Trong trường hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng thư điện tử thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải ghi rõ địa chỉ thư điện tử nhận phiếu lấy ý kiến, và Nhà Đầu Tư phải gửi bằng thư điện tử đã đăng ký tại Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.

f) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là không tham gia biểu quyết.

g) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp Luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức theo cách thức:

- Ký trực tiếp trên Phiếu biểu quyết bằng văn bản giấy hoặc;

- Ký số (Ký điện tử) trên Phiếu biểu quyết điện tử bằng (1) chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp pháp cấp đảm bảo phù hợp quy định về giao dịch điện tử hoặc (2) gắn liền với thông tin xác thực của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán và đáp ứng quy định về giao dịch điện tử.

h) Công Ty Quản Lý Quỹ thành lập ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;

(ii) Tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công Ty Quản Lý Quỹ;

(iii) Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(iv) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết.

(v) Tổng số phiếu hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(vi) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng; và

(vii) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu (Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người được chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền) và người đại diện theo Pháp Luật của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người được người đại diện theo Pháp Luật của Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền.

i) Những người tham gia kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

j) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua và các tài liệu khác có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Mỗi Chứng Chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điểm (b), (c) Khoản 2 Điều 20 Điều Lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

4. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Những quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành và phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

7. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm gửi biên bản, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư cho UBCKNN, Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại Điểm (b), (c) Khoản 2 Điều 20 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư, số lượng Chứng Chỉ Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức Giá Mua Lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V.
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

   a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

   b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

   c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

   a) Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

   b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều Lệ Quỹ (nếu có).

3. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

   a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về Pháp Luật.

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ vừa kết thức tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại Diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên

d) Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:

a) Các trường hợp theo quy định của Pháp Luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

b) Là thành viên của trên năm (05) Ban Đại Diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư.

2. Phê duyệt Sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều Lệ này; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này.

3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ hoặc đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Pháp Luật.

5. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

7. Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ Quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều Lệ Quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;

   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

   d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ này.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

   a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều Lệ này;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; Thành viên Ban Đại Diện Quỹ từ chức phải gửi đơn cho Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất sáu mươi (60) ngày.

   c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

2. Đại Hội Nhà Đầu Tư bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

   a) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng

   b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

   c) Bị khởi tố hoặc truy tố;

   d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Ban Đại Diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

   a) Số thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Quỹ. Trường hợp này, Ban Đại Diện Quỹ phải triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

   b) Số lượng thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;

   c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm (a) và Điểm (b) Khoản này, Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu ba (03) tháng một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước năm (05) ngày.

3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

Chương VI.
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.

3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở; và

4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

   a) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.

   b) Công Ty Quản Lý Quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty; Sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư áp dụng chung cho các quỹ. Trường hợp Quỹ đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động công ty.

c) Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên.

d) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.

e) Khi quản lý tài sản Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

(i) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Pháp Luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;

(ii) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát;

(iii) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát.

- Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ: Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát;
- Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu chưa niêm yết: Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư.

(iv) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của quỹ/khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng quỹ/khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản quỹ/khách hàng ủy thác và tài sản của chính công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ/khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng quỹ/khách hàng ủy thác và nơi lưu ký các tài sản đó;

(v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản Quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản Quỹ;

(vi) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quỹ đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

f) Công Ty Quản Lý Quỹ phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng quỹ/đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận

rủi ro của từng quỹ/khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

g) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

(i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

(ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà Quỹ được thành lập. Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng.

h) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của Pháp Luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều Lệ Quỹ;

(ii) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu Tư. Nội dung sổ đăng ký Nhà Đầu Tư thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp Luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều Lệ Quỹ;

(iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định của Pháp Luật về hướng dẫn hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.

i) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, giao dịch tài sản Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, các thông tin liên quan khác cho Ngân Hàng Giám Sát. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.

j) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.

k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

l) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điểm (k) nêu trên.

m) Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định Pháp Luật hiện hành. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

n) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán, Pháp Luật về phòng chống rửa tiền và các quy định Pháp Luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.

(i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán, Pháp Luật về phòng chống rửa tiền, Pháp Luật về giao dịch điện tử, các quy định Pháp Luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

(ii) Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán, Pháp Luật về phòng chống rửa tiền và quy định Pháp Luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

(iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo tới UBCKNN;

(iv) Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

o) Công Ty Quản Lý Quỹ khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định Pháp Luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

p) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

q) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

(i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

(ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

(iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

r) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ phải tuân thủ quy định Pháp Luật về giao dịch chứng khoán điện tử;

s) Tuân thủ các quy định của Pháp Luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho Quỹ theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

t) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cử người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo

đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về Pháp Luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm UBCKNN;

u) Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu Công Ty Quản Lý Quỹ của UBCKNN; và

v) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này và ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân Hàng Giám Sát;

b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ uỷ quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ;

e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;

f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ, phí được quy định trong Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch phù hợp với quy định của Pháp Luật;

g) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của Pháp Luật;

h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;

i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của Pháp Luật;

j) Được quyền yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công Ty Quản Lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà Đầu Tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của Pháp Luật; và

k) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo các quy định của Điều Lệ Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

c) Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;

d) Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

2. Công ty phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại Điểm (a), (c), (d) Khoản 1 Điều này.

3. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản Quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Quỹ thông qua quyết định thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế.

5. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều Lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3.0%	Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Ghi chú:

- *Giá trị tài sản ròng được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là Giá trị tài sản ròng bình quân của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.*
- *Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.*

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát. Thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các Ngân hàng này và ngược lại.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn, đầu tư vào Quỹ như một Nhà Đầu Tư thông thường theo quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản Quỹ theo nguyên tắc sau:

   a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;

   b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ. Văn bản chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

5. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thưởng theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

6. Trong hoạt động quản lý tài sản Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;

b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo Pháp Luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn Điều Lệ.

d) Không được sử dụng tài sản Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác.

e) Chỉ sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ c đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về quỹ đầu tư chứng khoán;

f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với Nhà Đầu Tư của Quỹ về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm Nhà Đầu Tư không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư;

g) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của Quỹ, các khách hàng ủy thác khác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, Chứng Chỉ Quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc Ban Đại Diện Quỹ về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của Pháp Luật về chứng khoán.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán; và

9. Các hạn chế khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp Luật.

Chương VII.
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây và các điều kiện khác theo quy định

của Pháp Luật:

1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định của Pháp Luật về chứng khoán;

2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;

3. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại;

4. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.

5. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký chứng khoán; và

6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;

   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;

   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;

   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Pháp Luật liên quan, Hợp Đồng Giám Sát và Điều Lệ Quỹ;

   e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;

   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ; Tổ chức lưu ký phụ ở nước ngoài có quyền tái lưu ký tài sản tại tổ chức lưu ký chứng khoán mà họ là thành viên theo quy định của nước sở tại. Tài sản của quỹ phải được tổ chức lưu ký phụ đảm bảo quyền sở hữu thuộc về quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;

   g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác;

   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

   i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;

   j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định Pháp Luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

   k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng Nhà Đầu Tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có; và

m) Tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát.

2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát

a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký, bảo quản tài sản quỹ theo Hợp Đồng Giám Sát đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ (thay mặt cho Quỹ), Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp Luật;

b) Tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;.

c) Được quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của Pháp Luật và tại Điều Lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan, bảo đảm phù hợp với quy định của Pháp Luật và tại Điều Lệ Quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của Pháp Luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ;

e) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ Quỹ;

f) Xác nhận các báo cáo về Giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.

2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10)năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Quỹ.

4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp Ngân Hàng Giám Sát sau:

   a) Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

   b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;

   c) Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

   d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

   e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác theo quy định của Pháp Luật.

Chương VIII.
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

1. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền/thuê ngoài các tổ chức khác cung cấp dịch vụ cho Quỹ theo đúng quy định của Điều Lệ Quỹ và quy định của Pháp Luật.

2. Các dịch vụ được ủy quyền bao gồm:

   a) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư.

   b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

3. Phạm vi và chi tiết các dịch vụ được ủy quyền theo quy định tại Điều này sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các bên cung cấp dịch vụ có liên quan.

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Tổ chức cung cấp dịch vụ cần đáp ứng tiêu chí sau:

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

   a) Là các tổ chức được Pháp Luật cho phép về lĩnh vực cung cấp dịch vụ; có kinh nghiệm và uy tín trong các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

   b) Có đội ngũ nhân sự có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và đáp ứng quy định của Pháp Luật về chứng chỉ hành nghề (nếu có) trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ;

   c) Các tổ chức này phải hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ;

d) Am hiểu Pháp Luật, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi, mở rộng và phát triển của Quỹ.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

a) Có hệ thống quy trình nghiệp vụ đầy đủ đáp ứng dịch vụ cung cấp;

b) Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của tổ chức cung cấp dịch vụ phải có quy trình nghiệp vụ phối hợp và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng theo quy định của Pháp Luật.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng các nội dung ủy quyền đã ký kết phù hợp với các quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Quỹ và chịu trách nhiệm trên các công việc thực hiện.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:

(i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;

(ii) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

(iii) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Pháp Luật và tại Điều Lệ Quỹ;

(iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Quỹ và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

(i) Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ mở;

(ii) Ghi nhận các lệnh lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;

(iii) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;

(iv) Tổ chức các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

(v) Cung cấp cho Nhà Đầu Tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

(vi) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Quỹ và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền quản lý tách biệt với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền, phải được lưu trữ tại Việt Nam và lưu trữ trong thời hạn quy định của Pháp Luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận đảm bảo thuận tiện, đầy đủ và đúng theo quy định Pháp Luật.

4. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;

5. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo

6. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;

7. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp Luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này. Định kỳ hằng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;

4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;

7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

9. Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này và các tài liệu liên quan khác phải cung cấp cho Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát liên quan và UBCKNN trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

   a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;

   b) Theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ;

   c) Hợp đồng ủy quyền bị chấm dứt hay hết hạn.

   d) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản; bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện; hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác;

e) Tổ chức nhận ủy quyền không còn đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ được ủy quyền theo quy định tại Điều Lệ này;

f) Quỹ bị giải thể; Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc bàn giao phải lập biên bản bàn xác nhận giữa hai tổ chức bàn giao và Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương IX.
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 46. Đại Lý Phân Phối, Đại Lý Ký Danh

1. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối

a) Là các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhân đăng ký hoạt đặng phân phối Chứng Chỉ Quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ mở với Công Ty Quản Lý Quỹ;

b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ chỉ được thực hiện tại các địa điểm đã đăng ký.

c) Tại mỗi địa điểm có tối thiểu hai (02) nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

d) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

e) Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ bao gồm quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng Chỉ Quỹ theo thông lệ quốc tế và các quy trình có liên quan; bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ.

2. Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:

a) Làm Đại Lý Ký Danh;

b) Phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các Đại Lý Phân Phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 11 Điều 48 Điều Lệ này. Báo cáo đánh giá

cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

4. Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của Đại Lý Phân Phối. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên giám sát Đại Lý Phân Phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của Đại Lý Phân Phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

5. Trường hợp Đại Lý Phân Phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Đại Lý Phân Phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, hoặc thay đổi Đại Lý Phân Phối, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư đồng thời chỉ định Đại Lý Phân Phối thay thế (nếu có) và báo cáo UBCKNN theo quy định của Pháp Luật.

6. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định của Pháp Luật, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối Chứng Chỉ Quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN, cập nhật thông tin tại Bản Cáo Bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 47. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối, Đại Lý Ký Danh

1. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

   a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;

   b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư;

   c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ, Bản Cáo Bạch;

   d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

   e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;

   f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Hoạt động của Đại Lý Ký Danh bao gồm:

   a) Thực hiện chức năng Đại Lý Phân Phối quy định tại Khoản 1 Điều này đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu Tư;

   b) Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm cả thông

tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan;

c) Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp Luật;

d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại Lý Phân Phối quy định của Pháp Luật và Điều Lệ, Bản Cáo Bạch.

3. Chức năng của Đại Lý Ký Danh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Ký Danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản ký danh, bảo đảm tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều Lệ, Bản Cáo Bạch.

Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại Lý Phân Phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá một (01) triệu đồng cho mỗi Nhà Đầu Tư trong một chương trình khuyến mại. Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ; Đại Lý Phân Phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.

8. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quy định Pháp Luật .

9. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hằng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

10. Phương tiện để Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.

11. Khi thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư trên môi trường mạng, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo:

a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;

c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;

d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;

e) Đảm bảo Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;

f) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ;

g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;

h) Đảm bảo Nhà Đầu Tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.

12. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo Bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.

Chương X.
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;

2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;

3. Được UBCKNN cho phép kiểm toán quỹ đầu tư chứng khoán;

4. Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 50. Năm Tài Chính

1. Năm Tài Chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch tiếp theo.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

2. Báo cáo tài chính bán niên sẽ được soát xét bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 53. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp Luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XI.
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá trị tài sản ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ của quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Sổ tay định giá, Điều Lệ này và các quy định của Pháp Luật

3. Ngày Định Giá:

Ngày Định Giá bao gồm: (a) Ngày Định Giá theo mỗi Ngày Giao Dịch, (b) Ngày Định Giá hằng tuần, và (c) Ngày Định Giá hằng tháng.

a) Ngày Định Giá được xác định vào mỗi Ngày Giao Dịch.

b) Ngày Định Giá hằng tuần được xác định theo thứ tự sau đây:

(i) Ngày thứ Sáu hằng tuần;

(ii) Ngày Làm Việc liền sau ngày nêu tại mục b.(i), nếu ngày nêu tại mục b.(i) rơi vào ngày không phải là Ngày Làm Việc.

c) Ngày Định Giá hằng tháng là ngày dương lịch đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi kỳ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại Diện Quỹ trước khi thực hiện.

4. Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ được công bố công khai theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện tại Ngày Làm Việc tiếp theo của Ngày Định Giá.

5. Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

6. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng.

7. Trong thời hạn năm (05) Ngày Làm Việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.

Điều 55. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. **Nguyên tắc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ**

a) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

b) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:

(i) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;

(ii) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ.

c) Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán Giá trị tài sản ròng.

2. Quy trình định giá

a) Trước Ngày Định Giá, các nghiệp vụ sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm :

(i) Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong kỳ;

(ii) Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;

(iii) Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào Ngày Giao Dịch không hưởng quyền;

(iv) Các nghiệp vụ phát hành thêm/ mua lại Chứng Chỉ Quỹ phát sinh sau Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cuối cùng gần nhất;

(v) Thực hiện đối chiếu số dư tại Ngân Hàng Giám Sát.

b) Tại Ngày Định Giá:

(i) Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;

(ii) Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;

(iii) Đối chiếu số dư tiền mặt tại Ngân Hàng Giám Sát;

(iv) Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg hoặc Reuters và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá.

3. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 4 của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, quy định của Pháp Luật và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá hoặc được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.

Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và được lấy đến hai (2) chữ số thập phân làm tròn xuống.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Của Quỹ được quy định cụ thể tại Sổ tay định giá tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.

c) Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

b) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá trở thành là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi định giá sai Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, với các mức sai lệnh đạt từ 0,75% Giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;

b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XII.
THU NHẬP, CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN CHIA LỢI TỨC CỦA QUỸ

Điều 58. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát và các Giá Dịch Vụ khác

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là 1% NAV/năm (không bao gồm giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ).

b) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính tại mỗi kỳ định giá và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổng giá dịch vụ hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

2. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát

a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát là mức giá dịch vụ do Quỹ trả cho Ngân Hàng Giám Sát để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Lưu Ký, Giám Sát cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng.

b) Giá Dịch Vụ Giám Sát là 0,02% NAV/năm, tối thiểu là năm triệu (5.000.000) đồng/tháng(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

c) Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán.

Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho VSDC, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu ...

d) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = [Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá] / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

e) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là 0,03% NAV/năm, tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) đồng/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

b) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá] / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

c) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

a) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc dưới các hình thức khác.

b) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng / số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

c) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

5. Giá dịch vụ giao dịch khác

a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán thanh toán theo thực tế phát sinh và được quy định cụ thể trong Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

b) Giá dịch vụ giao dịch khác, bao gồm các chi phí trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ khác có liên quan đến giao dịch tài sản của Quỹ được thanh toán theo thực tế phát sinh và theo Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ.

Điều 59. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lợi tức trái phiếu, lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi hoặc lãi từ các khoản đầu tư có thu nhập cố định;
3. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.
4. Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 60. Chi phí hoạt động của Quỹ

Chi phí của Quỹ là các khoản sau:

1. Chi phí quản lý quỹ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát Quỹ trả cho Ngân Hàng Giám Sát.

3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ trả cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan.

4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

5. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.

6. Thù lao và chi phí công tác trả cho Ban Đại Diện Quỹ.

7. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.

8. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của Pháp Luật.

9. Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).

10. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.

11. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ.

12. Chi phí về bảo hiểm (nếu có).

13. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật

14. Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp Luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quỹ.

15. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban dại diện Quỹ quyết định và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

16. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ hợp lý hợp lệ cho Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ.

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng Chỉ Quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định của Pháp Luật.

2. Việc phân chia lợi tức của Quỹ phải được sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

   a) Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp Luật;

   b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua;

   c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

   d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà Đầu Tư.

5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung.

Chương XIII.
TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 62. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp Pháp Luật quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận. Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 108 Luật Chứng khoán.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận và thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

Điều 63. Chia, tách Quỹ

1. Điều kiện chia, tách Quỹ bao gồm:

   a) Được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc chia, tách;

   b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 108 Luật Chứng khoán;

   c) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi Ngân Hàng Giám Sát.

2. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận và thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

Điều 64. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

   a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản; hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ, mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện nêu tại điều này;

   b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, bị phá sản; hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán; hoặc Hợp Đồng Giám Sát giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát bị chấm dứt; hoặc Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ, mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện nêu tại điều này;

   c) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;

   d) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận và thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Có Liên Quan không được tổ chức các chương trình quảng cáo, thông tin về quỹ để tiếp nhận, thực hiện các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ, kể từ ngày quỹ buộc phải giải thể.

Chương XIV.
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và Pháp Luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XV.
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

3. Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo định kỳ về hoạt động quản lý tài sản của Quỹ theo quy định của Pháp Luật sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống Đại Lý Phân Phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.

Điều 67. Thay đổi Điều Lệ Quỹ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ phải báo cáo UBCKNN.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 68. Đăng ký Điều Lệ Quỹ, điều khoản thi hành

Điều Lệ Quỹ lần đầu do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo quy định của Pháp Luật. Điều Lệ Quỹ bao gồm 15 Chương, 68 Điều và 04 Phụ lục đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng cho Quỹ.

1. Điều Lệ được lập thành năm (05) bản có giá trị pháp lý như nhau bằng tiếng Việt:

- Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- Hai (02) bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

2. Đính kèm Điều Lệ Quỹ các phụ luc sau:

- Phụ lục 1: Cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Phụ lục 2: Cam kết của Ngân Hàng Giám Sát.

- Phụ lục 3: Cam kết chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
- Phụ lục 4: Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản của Quỹ.

3. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của Pháp Luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TM. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Trương Vĩnh An

Tổng Giám đốc

Phụ Lục 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 41/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/10/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0306123351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/10/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 12, Tòa nhà 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 3830 1099 Fax: (028) 3830 1088
- Website: acbcapital.com.vn

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:

5.1 Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;

5.2 Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

5.3 Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ;

5.4 Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp Pháp Luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư quỹ theo quy định của Pháp Luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Trương Vĩnh An

Phụ Lục 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100112437-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 319/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17/12/2003 và Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/CN-TVLK do Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2001
- Địa chỉ trụ sở chính: Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt, trọn tầng lửng, tầng lầu 1, 2, 3, 4, 5, 7 và 8 Tòa nhà VBB, Số 05 Công Trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028 - 38297245 Fax: 028 - 38297228

Ngân Hàng Giám Sát cam kết

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của Pháp Luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Mai Yên Thủy

Phụ Lục 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 41/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/10/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0306123351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/10/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100112437-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 319/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 17/12/2003 và Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký chứng khoán số 01/CN-TVLK do Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2001

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**	**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA** **NGÂN HÀNG GIÁM SÁT** **KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Trương Vĩnh An	**Hà Mai Yên Thủy**

Phụ Lục 4. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước Ngày Định Giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác theo phương pháp định giá được đề cập trong sổ tay định giá đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt theo từng trường hợp cụ thể và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	Giá yết (giá sạch) bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau: (i) Không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá thị trường có nhiều biến động với mức biến tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 5% trở lên (đối với trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có kỳ định giá gần nhất. Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc; + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

7	Trái phiếu không niêm yết	Giá sạch trung bình của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể.
8	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Cổ phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán; Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: (i) Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày Định Giá; (ii) Giá mua (giá cost); (iii) Giá trị sổ sách; (iv) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
10	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: (i) Giá trị sổ sách; (ii) Mệnh giá; (iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: (i) 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; (ii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt) tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: (i) Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là Người Có Liên Quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; (ii) Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày trước Ngày Định Giá; (iii) Giá mua; (iv) Giá trị sổ sách; (v) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng Chỉ Quỹ		
14	Chứng Chỉ Quỹ đại chúng niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: (i) Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ của Chứng Chỉ Quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ đó; hoặc trên Sở Giao dịch Chứng khoán; hoặc trên trang thông tin điện tử của UBCKNN tại ngày gần nhất trước ngày định giá; (ii) Giá mua (giá cost); (iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15	Chứng Chỉ Quỹ đại chúng không niêm yết	Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ được công bố thông tin tại Ngày Định Giá gần nhất trước Ngày Định Giá của Quỹ.
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý

		Quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch Chứng khoán; hoặc trên trang thông tin điện tử của UBCKNN tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
17	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở Giao dịch Chứng khoán như quy định tại Điều này, thì giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày/giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
19	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
20	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
21	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
22	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết theo mục ghi chú dưới đây
23	Các tài sản được phép đầu tư khác	(i) Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.

		Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

(i) Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước Ngày Định Giá;

(ii) Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

(iii) Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;

(iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam,...) để tham khảo;

(v) Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.

(vi) Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

b. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta [2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân Hàng Giám Sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

- [1] *Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).*
- [2]*Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận*
- [3] *Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).*

(vii) Trong các tình huống phát sinh khác không thể xác định được phương thức định giá thì sẽ được áp dụng theo hướng dẫn chi tiết tại Sổ tay định giá đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận./.